



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 265/TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 11 năm 2020



THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Soài Rạp

HCM - 60 - 2020

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Soài Rạp.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ SR_2010_01 đến SR_2010_22, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 10/2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải Soài Rạp có chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 120m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200KHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" như sau:

1. Đoạn luồng từ phao báo hiệu hàng hải số "0" đến cặp phao báo hiệu hàng hải số "15", "16", chiều dài khoảng 17,9km, chiều rộng đáy luồng 160m:

- Đoạn từ phao BHHH số "0" đến thượng lưu phao BHHH số "4" + 680m, chiều dài khoảng 4,7km, độ sâu đạt 9,5m.

- Đoạn từ thượng lưu phao BHHH số "4" + 680m đến phao BHHH số "6" chiều dài khoảng 1,8km, độ sâu ở giữa tim luồng đạt 9,0m, độ sâu đoạn luồng đạt 8,0m lần luồng 09m, nằm sát biên phải luồng.

- Đoạn từ phao BHHH số "6" đến hạ lưu phao BHHH số "10" - 400m, chiều dài khoảng 3,4km như sau:

- Xuất hiện điểm có độ sâu 8,8m; 8,4m; 7,4m; 7,2m nằm sát biên phải luồng, lần luồng xa nhất 03m, tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
7,4	10°17'42,0" N	106°54'48,1" E	10°17'38,3" N	106°54'54,5" E
7,2	10°17'42,5" N	106°54'46,6" E	10°17'38,8" N	106°54'53,0" E
8,4	10°17'42,9" N	106°54'45,5" E	10°17'39,2" N	106°54'51,9" E
8,8	10°17'45,3" N	106°54'37,6" E	10°17'41,6" N	106°54'43,9" E

Ngoài các điểm có độ sâu nêu trên, độ sâu tại đoạn luồng này đạt 9,0m.

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số "10" - 400m đến cặp phao BHHH số "15", "16", chiều dài khoảng 7,4km, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng đạt 8,5m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,1m lần luồng xa nhất khoảng 20m, nằm ở hai bên biên luồng.

2. Đoạn luồng từ cặp phao báo hiệu hàng hải số “15”, “16” ” đến thượng lưu Bến cảng Container Trung tâm Sài Gòn (SPCT), chiều dài khoảng 39,7km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 120m:

- Đoạn từ cặp phao BHHH số “15”, “16” đến hạ lưu cặp phao BHHH số “19”, “20” - 380m, chiều dài khoảng 5,0km, độ sâu ở giữa tim luồng đạt 9,0m, độ sâu đoạn luồng đạt 7,7m lần luồng xa nhất khoảng 15m, nằm ở biên phải luồng.

- Đoạn từ hạ lưu cặp phao BHHH số “19”, “20” - 380m đến hạ lưu phao BHHH số “26” - 540m, chiều dài khoảng 8,4km, độ sâu đạt 8,8m.

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số “26” - 540m đến thượng phao BHHH số “32” + 200m, chiều dài khoảng 5,0km, độ sâu đạt 9,1m.

- Đoạn từ thượng lưu phao BHHH số “32” + 200m đến hạ lưu phao BHHH số “36” - 400m, chiều dài khoảng 3,9km, độ sâu đạt 7,8m nằm giữa tim luồng.

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số “36” - 400m đến hạ lưu phao BHHH số “37” - 300m, chiều dài khoảng 4,2km, độ sâu đạt 8,8m.

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số “37” - 300m đến thượng lưu phao BHHH số “51” + 420m, chiều dài khoảng 7,4km, độ sâu đạt 9,0m.

- Đoạn từ thượng lưu phao BHHH số “51” + 420m đến thượng lưu phao BHHH số “60” + 500m, chiều dài khoảng 1,3km, độ sâu đạt 8,4m.

- Đoạn từ thượng lưu phao BHHH số “60” + 500m đến thượng lưu Bến cảng Container Trung tâm Sài Gòn (SPCT), chiều dài khoảng 4,7km, độ sâu đạt 9,6m.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Container Trung tâm Sài Gòn (SPCT) đến thượng lưu bến cảng Tân cảng Hiệp Phước, chiều dài khoảng 1,9km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 120m, độ sâu ở giữa tim luồng đạt 8,5m, độ sâu đoạn luồng đạt 8,1m.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu bến cảng Tân cảng Hiệp Phước đến ngã ba Bình Khánh (giữa sông Soài Rạp và sông Nhà Bè), chiều dài khoảng 7,1km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 150m:

- Đoạn từ thượng lưu bến cảng Tân cảng Hiệp Phước đến hạ lưu phao BHHH số “71” - 70m, chiều dài khoảng 2,4km, độ sâu đạt 9,1m.

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số “71” - 70m đến hạ lưu phao BHHH số “74” - 200m, chiều dài khoảng 2,6km, độ sâu đạt 4,7m nằm sát tim luồng.

- Đoạn từ hạ lưu phao BHHH số “74” - 200m đến khu vực phao báo hiệu hàng hải số “58” luồng Sài Gòn - Vũng Tàu, chiều dài khoảng 2,3km, độ sâu đạt 8,1m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải Soài Rạp căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện

1001013
TỔNG
NGUYỄN
TOÀN H
MIỀN
TÁU.T.E

pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải độ sâu nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng Cty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Dat}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) |
| 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 4 Cục Cảnh sát biển | 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 5 Chi Cục đường sông phía Nam | 17 Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 21 Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 27 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 28 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 30 Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 31 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 Sở GTVT & Sở NN&PTNN TP.HCM |
| 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | |
| 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | |
| 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | |
| 12 Bộ đội biên phòng thành phố Hồ Chí Minh | |



11₂ FI(2+1).R.10s
12 12₂ No 70

11₄ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

11₂ RGR 10₀

13 14₆

15₇ 14₀

15₉ 13₂

15₃ 13₂

15₀ 13₁

14₆ 13₁

14₃ 12₁

13₅ 11₁

12₄ 9₇

10₈ 8₅

9₂ 7₇

8₁ 7₂

7₄ 6₉

7₁ 6₆

7₀ 6₆

7₁ 6₇

7₂ 6₈

6₉ 7₄

6₇ 6₅

5₆ 5₉

5₀ 4₄

3₈ 4

2₈ 3

1₈ 2

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

5₆

5₀

3₈

2₈

1₈

1₅

13

14₆

15₇

15₉

15₃

15₀

14₆

14₃

13₅

12₄

10₈

9₂

8₁

7₄

7₁

7₀

7₁

7₂

6₉

6₇

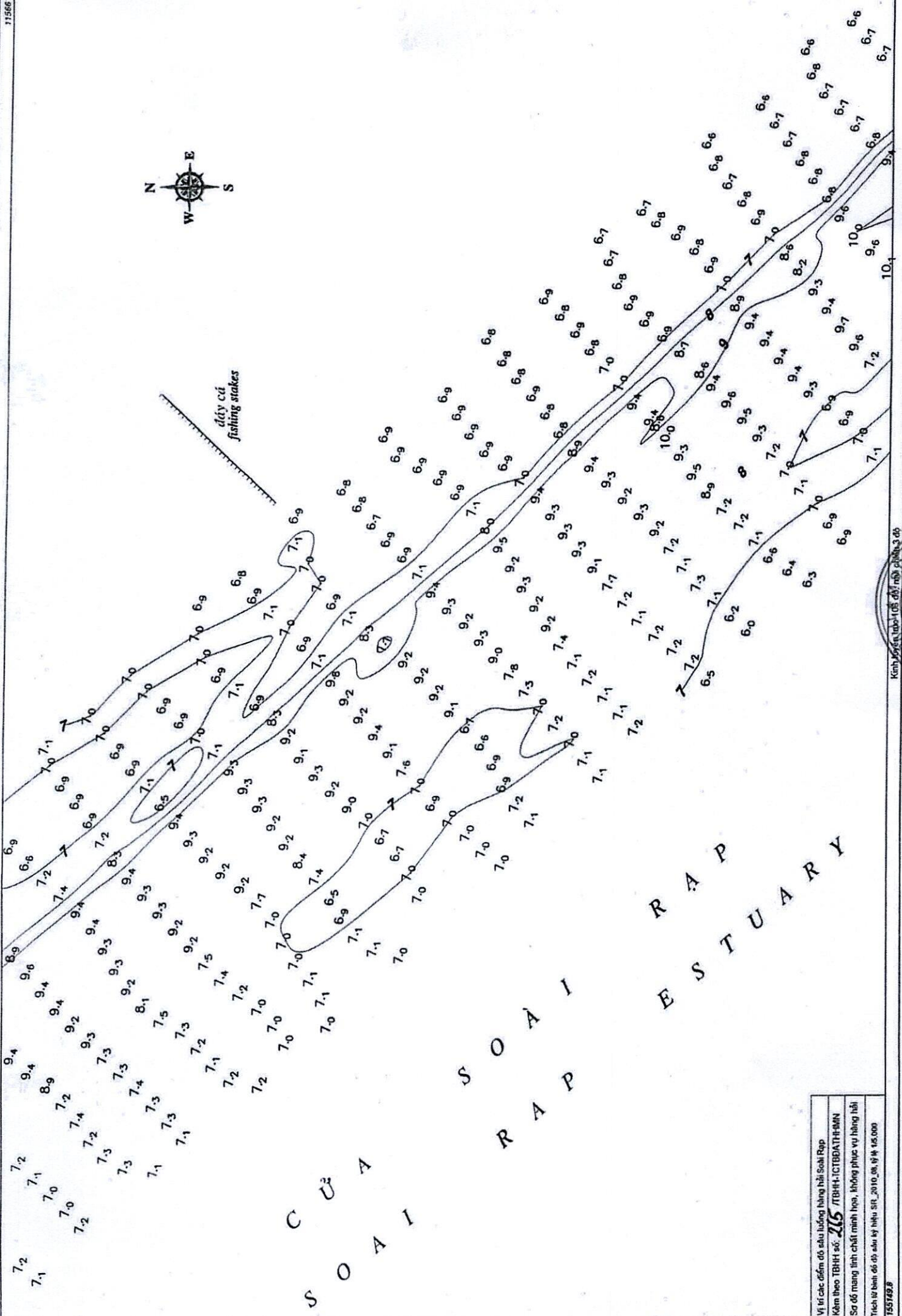
5₆

5₀

3₈



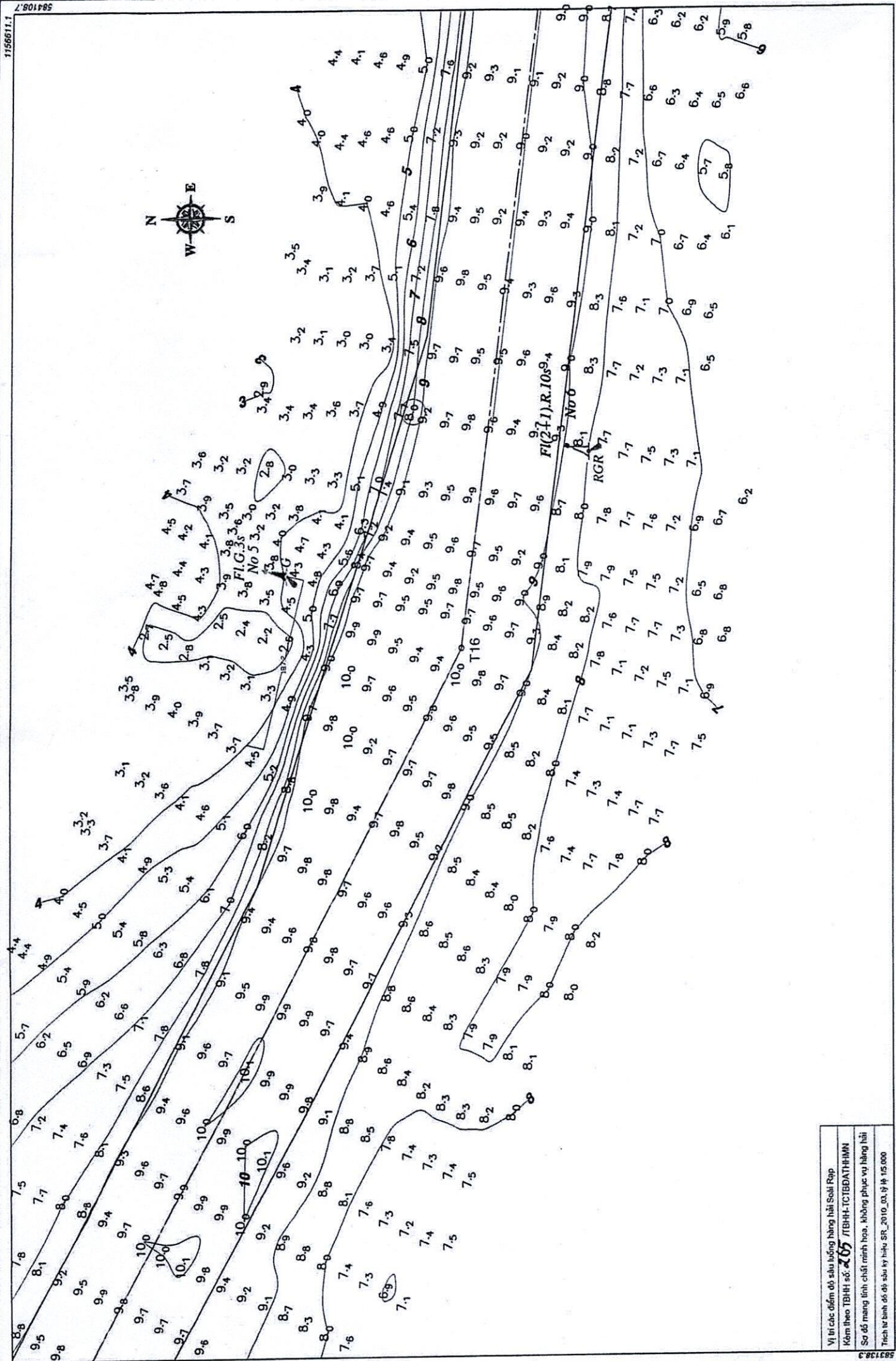
đáy cá
fishing stakes



Vị trí các điểm đo sâu tương ứng hải đồ Soai Rap
Kèm theo TBHH số: 215/TBHH-ICTBĐA TH-MN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Tỷ lệ bản đồ đo sâu tỷ lệ: 1:200,000, tỷ lệ 1:100,000

Kinh độ: 106° 10' 00" Đông, vĩ độ: 16° 30' 00" Bắc

CÔNG ANH



Vị trí các điểm đo sâu tương ứng hàng hải Sỏi Ráp
Kèm theo TBHH số 205 /TBHH-TC/BDATHHVN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bản đồ đo sâu kỹ thuật SR_2010_03 tỷ lệ 1:5.000